

Nội dung bài viết

1. [Hoạt động cơ bản - Bài 12A Tiếng Việt lớp 5 VNEN](#)
2. [Hoạt động thực hành - Bài 12A Tiếng Việt VNEN lớp 5](#)
3. [Hoạt động ứng dụng - Bài 12A Tiếng Việt 5 VNEN](#)

**Hoạt động cơ bản - Bài 12A Tiếng Việt lớp 5 VNEN**

**Câu 1.**

**Cùng chơi:** Giải ô chữ bí mật

Dựa vào tranh ảnh gợi ý bên dưới, điền chữ cái vào mỗi ô trống để tìm các từ ở hàng ngang và từ ô ở hàng dọc màu xanh.

**Lời giải chi tiết:**

Ô chữ hàng dọc là: MÔI TRƯỜNG

		M	Ư	A						
	S	Ô	N	G						
	B	I	Ê	N						
C	A'	T								
		R	U	Ộ	N	G				
		N	Ư	Ớ	C					
	Đ	Ư	Ờ	N	G					
		N	Ú	I						
R	Ử	N	G							

**Câu 2.**

Nghe thầy cô (hoặc bạn) đọc bài sau:

## Mùa thảo quả

Thảo quả trên rừng Đản Khao đã vào mùa.

Gió tây lướt thướt bay qua rừng, quyến hương thảo quả đi, rải theo triền núi, đưa hương thảo quả ngọt lựng, thơm nồng vào những thôn xóm Chin San. Gió thơm. Cây cỏ thơm. Đất trời thơm. Người đi từ rừng thảo quả về, hương thơm đậm ủ ấp trong từng nếp áo, nếp khăn.

Thảo quả trên rừng Đản Khao đã chín nục. Chẳng có thứ quả nào hương thơm lại ngậy ngất kì lạ đến như thế. Mới đầu xuân năm kia, những hạt thảo quả gieo trên đất rừng, qua một năm, đã lớn cao tới bụng người. Một năm sau nữa, từ một thân lẻ, thảo quả đâm thêm hai nhánh mới. Sự sinh sôi sao mà mạnh mẽ vậy. Thoáng cái, dưới bóng râm của rừng già, thảo quả lan tỏa nơi tầng rừng thấp, vươn ngọn, xòe lá, lấn chiếm không gian.

Sự sống cứ tiếp tục trong âm thầm, hoa thảo quả nảy dưới gốc cây kín đáo và lặng lẽ. Ngày qua, trong sương thu ẩm ướt và mưa rây bụi mùa đông, những chùm hoa khép miệng bắt đầu kết trái. Thảo quả chín dần. Dưới đáy rừng, tựa như đột ngột, bỗng rực lên những chùm thảo quả đỏ chon chót, như chứa lửa, chứa nắng. Rừng ngập hương thơm. Rừng sáng như có lửa hắt lên từ dưới đáy rừng.

Rừng say ngậy và ấm nóng. Thảo quả như những đốm lửa hồng, ngày qua ngày lại tiếp thêm nhiều ngọn mới, nhấp nháy vui mắt.

Theo Ma Văn Kháng

### Câu 3.

Thay nhau đọc từ ngữ và lời giải nghĩa:

- *Thảo quả*: Cây thân cỏ, quả hình bầu dục, lúc chín màu đỏ, tỏa mùi thơm ngào ngạt, dùng làm thuốc hoặc gia vị.
- *Đản Khao, Chin San*: Tên những vùng đất thuộc tỉnh Lào Cai.
- *Sâm uất*: Đông đực, nhọn nhọn (ý trong bài là nhiều tới mức um tùm, rậm rạp).
- *Tầng rừng thấp*: Tầng rừng gồm các loại cây bụi và dây leo dưới đất (tầng rừng giữa gồm các loại cây có độ cao trung bình; tầng rừng cao gồm các loại cây to, thân cao vút, tán rộng).

### Câu 4.

Cùng luyện đọc.

**Câu 5.****Thảo luận, trả lời câu hỏi:**

- a) Những chi tiết nào cho thấy hương thảo quả lan rộng khắp?
- b) Những từ ngữ nào miêu tả hương thơm đặc biệt của thảo quả?
- c) Những chi tiết nào cho thấy cây thảo quả phát triển rất nhanh?
- d) Hoa thảo quả nảy ra ở đâu?
- e) Khi thảo quả chín, rừng có những nét gì đẹp?

**Lời giải chi tiết:**

- a) Những chi tiết cho thấy hương thảo quả lan rộng khắp là: hương thảo quả theo gió tây lướt thướt bay qua rừng; rải theo triền núi; hương ngọt lựng, thơm nồng lan vào thôn xóm; khiến cả cây cỏ thơm, đất trời thơm; thơm cả từng nếp áo, nếp khăn của người đi từ rừng thảo quả về.
- b) Những từ ngữ miêu tả hương thơm đặc biệt của thảo quả là: ngọt lựng, thơm lừng, ngây ngây kì lạ, rừng ngập hương thơm.
- c) Những chi tiết cho thấy cây thảo quả phát triển rất nhanh là:
  - Những hạt thảo mới được gieo lúc đầu xuân năm kia; qua một năm đã lớn cao tới bụng người; một năm sau nữa, đâm thêm hai nhánh mới từ một thân lẻ
  - Thoáng cái, dưới bóng râm của rừng già, thảo quả sầm uất từng khóm râm....
- d) Hoa thảo quả nảy dưới gốc cây kín đáo và lặng lẽ.
- e) Khi thảo quả chín, dưới đáy rừng tựa như đột ngột, bỗng rực lên những chùm thảo quả đỏ chon chót, như chứa lửa, chứa nắng. Rừng ngập hương thơm. Rừng sáng như có lửa hắt lên từ dưới đáy rừng.

**Hoạt động thực hành - Bài 12A Tiếng Việt VNEN lớp 5****Câu 1.**

Đọc đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới:

*Thành phần môi trường là các yếu tố tạo thành môi trường: không khí, nước, đất, âm thanh, ánh sáng, lòng đất, núi, rừng, sông, hồ, biển, sinh vật, các hệ sinh thái, các khu dân cư, khu sản xuất, khu bảo tồn thiên nhiên, cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử và các hình thái vật chất khác.*

a) Chọn từ ngữ trong ngoặc phù hợp với nội dung mỗi ảnh (khu dân cư, danh lam thắng cảnh, khu sản xuất, di tích lịch sử, khu bảo tồn thiên nhiên).

b) Mỗi từ ở cột A ứng với nghĩa nào ở cột B?

A	B
a. Sinh vật	1. Quan hệ giữa sinh vật (kể cả con người) với môi trường xung quanh
b. Sinh thái	2. Tên gọi chung của các vật sống, bao gồm động vật, thực vật và vi sinh vật, có sinh ra, lớn lên và chết
c. Hình thái	3. Hình thức biểu hiện ra bên ngoài của sự vật, có thể quan sát được.

**Lời giải chi tiết:**

a) Gợi ý: Một bạn chỉ vào tranh (hoặc đọc số thứ tự của tranh) - một bạn đọc từ ngữ tương ứng với nội dung tranh:

- Tranh 1: Khu bảo tồn thiên nhiên
- Tranh 2: Khu dân cư
- Tranh 3: Khu sản xuất
- Tranh 4: Khu sản xuất
- Tranh 5: Di tích lịch sử
- Tranh 6: Danh lam thắng cảnh

b) Nối như sau:

A	B
a. Sinh vật	1. Quan hệ giữa sinh vật (kể cả con người) với môi trường xung quanh
b. Sinh thái	2. Tên gọi chung của các vật sống, bao gồm động vật, thực vật và vi sinh vật, có sinh ra, lớn lên và chết
c. Hình thái	3. Hình thức biểu hiện ra bên ngoài của sự vật, có thể quan sát được.

**Câu 2.**

a) Ghép một tiếng trong ô màu xanh vào trước hoặc sau tiếng bảo để tạo thành từ phức:

đảm	hiểm	bảo	quản	tàng
toàn	tồn		trợ	vệ

b) Đặt câu với một từ vừa tìm được.

**Lời giải chi tiết:**

a) Ghép tiếng: bảo đảm, bảo toàn, bảo hiểm, bảo tồn, bảo quản, bảo trợ, bảo tàng, bảo vệ, đảm bảo.

b) Đặt câu:

- Mỗi học sinh đều được nhà trường mua bảo hiểm để bảo vệ mình
- Rừng quốc gia là nơi bảo tồn nhiều loại động thực vật
- Đội em vẫn bảo toàn lực lượng sau hai trận đấu đầu tiên
- Để bảo quản thức ăn được lâu, mẹ em thường đóng hộp bỏ tủ lạnh
- Chủ nhật vừa qua, em được mẹ cho đi thăm quan bảo tàng Hà Nội
- Bạn Nam luôn là người đứng ra bảo vệ những bạn nữ trong lớp em.

**Câu 3.**

Thay từ bảo vệ trong câu sau bằng một từ đồng nghĩa với nó, sao cho nội dung câu không thay đổi:

*Chúng em bảo vệ môi trường sạch đẹp.*

**Lời giải chi tiết:**

Ta có thể thay một số từ như sau:

- Chúng em gìn giữ môi trường sạch đẹp
- Chúng em giữ gìn môi trường sạch đẹp

**Câu 4.**

Nghe thầy cô đọc và viết vào vở: Mùa thảo quả (từ Sự sống đến hắt lên từ dưới đáy rừng)

**Mùa thảo quả**

Sự sống cứ tiếp tục trong âm thầm, hoa thảo quả nảy dưới gốc cây kín đáo và lặng lẽ. Ngày qua, trong sương thu ẩm ướt và mưa râm bụi mùa đông, những chùm hoa khép miệng bắt đầu kết trái. Thảo quả chín dần. Dưới đáy rừng, tựa như đột ngột, bỗng rực lên những chùm thảo quả đỏ chon chót, như chứa lửa, chứa nắng. Rừng ngập hương thơm. Rừng sáng như có lửa hắt lên từ dưới đáy rừng.

**Câu 5.**

Tìm từ ngữ chứa tiếng ở mỗi cột dọc trong bảng (chọn a hoặc b)

a)

sở sơ su sứ  
xổ xơ xu xứ

b)

bát mặt tất mứt  
bác mắc tắc mức

**Lời giải chi tiết:**

a)

- sở: cửa sở, sở mũi, vất sở, sở sách
- xổ: xổ số, xổ lồng.

- sơ: sơ sinh, sơ lược, sơ sài.
- xơ: xơ xác, xơ mít
- su: su hào, su su, cao su
- xu: đờng xu, xu thế, xu hướng, xu nịnh
- sù: bát sù, sù giả
- xứ: xứ sở, biệt xứ, xa xứ

b)

- bát: chén bát, bát cơm, bát canh, bát ngát, bát đũa
- bác: chú bác, bác học, bác sĩ, phản bác
- mắt: đôi mắt, mắt lưới, mắt nai, kính mắt, nước mắt
- mắc: mắc cạn, mắc nợ, mắc áo, thắc mắc, mắc bệnh, mắc màn.
- tất: đôi tất, tất yếu, tất cả, tất bật
- tấc: tấc đất, tấc vải, một tấc đến trời, gang tấc
- mút: hộp mút, mút dừa, mút tết
- mức: mức độ, vượt mức, định mức, hạn mức, mức lương, mức sống.

### **Câu 6.**

a) Đặt tên cho mỗi nhóm từ sau:

- sóc, sói, sẻ, sáo, sít, sên, sam, sò, sửa, sán
- sả, si, sung, sen, sim, sâm, sắn, sấu, sậy, sỡ

Nếu thay âm s của những tiếng trên bằng âm x thì sẽ tạo thành những tiếng nào có nghĩa?

b) Tìm các từ láy theo những cặp vần sau:

- an - at
- ang - ac

- ôn - ôt
- ông - ôc
- un - ut
- ung - uc

**Lời giải chi tiết:**

## a) Đặt tên cho mỗi nhóm từ

- Nghĩa các từ trong dòng thứ nhất ( sóc, sói, sẻ, sáo, sít, sên, sam, sò, sứa, sán): chỉ tên các con vật.
- Nghĩa các từ trong dòng thứ hai ( sả, si, sung, sen, sim, sâm, sắn, sấu, sậy, s ồi): chỉ tên các loài cây.

→ Nếu thay âm đầu s bằng âm đầu x, trong số các tiếng trên thì những tiếng có nghĩa là:

- sóc, sói, sẻ, sáo, sít, sên, sam, sò, sứa, sán
- xóc: đòn xóc.
- xói: xói mòn
- xẻ: xẻ gỗ, xẻ núi
- xáo: xáo trộn
- xít: ng ồi xít vào nhau
- xam: ăn nói xam xura
- xán: xán lại g ần
- sả, si, sung, sen, sim, sâm, sắn, sấu, sậy, s ồi
- xả: xả thân
- xi: xi đánh gi ầy
- xung: nổi xung, xung kích, xung trận
- xen: xen kẽ
- xâm: xâm hại, xâm phạm
- xấn: xấn tay, xinh xắn
- xấu: xấu xí

## b) Tìm các từ láy theo khuôn v ần:

- an - at: man mát, ngan ngát, sần sạt, chan chát
- ang - ác: nhang nhác, bàng bạc, khang khác,
- ôn - ôt: s ền sột, tôn tốt, m ền một, dôn dốt
- ông - ôc: x ồng xộc, tông tọc, công cốc.
- un - út: vùn vụt, ngùn ngụt, vun vút, chùn chụt



- ung - uc: sùng sục, nhung nhúc, trùng trục, khùng khục...

***Hoạt động ứng dụng - Bài 12A Tiếng Việt 5 VNEN***

Trao đổi với người thân về những điểm tốt và chưa tốt của môi trường địa phương em

**Lời giải chi tiết:**

Ví dụ: ở Hà Nội

- Điểm tốt:

- Mỗi ngày đều thu gom rác thải
- Vệ sinh sạch sẽ đường phố hằng ngày
- Trồng thêm các cây xanh, cây hoa để môi trường xanh sạch đẹp hơn

- Điểm chưa tốt:

- Nhiều nơi rác thải còn vứt bừa bãi, gây ô nhiễm
- Nước thải sinh hoạt chưa được xử lý thải ra ao hồ sông gây ô nhiễm...